

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục đầu tư; thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các dự án có vốn đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2020; Luật Đất đai năm 2013; Luật Nhà ở năm 2014, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự (Luật số 03/2022/QH15);

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai; các Thông tư, Quyết định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam, được công bố, niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Bình;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 425/BC-SKHĐT ngày 21/8/2023 và của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 36/BC-VP ngày 19/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục đầu tư; thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các dự án có vốn đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc ban hành Quy chế phối hợp thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư; hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /m

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh Thái Bình;
- Công thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Trung tâm Hỗ trợ, XTĐT và Phát triển tỉnh;
- Các phòng: TH, NCKS, CTXDGT, NNTNMT;
- Lưu: VT, KT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Thận



QUY CHẾ

Phối hợp trong giải quyết thủ tục đầu tư; thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các dự án có vốn đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình

(Kèm theo Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, trình tự, thời gian phối hợp của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan trong giải quyết thủ tục đầu tư dự án có vốn đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước, gồm: thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư; tham gia ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp mới/điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (gọi chung là hồ sơ dự án) theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020, Luật số 03/2022/QH15; thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Bình theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Các nội dung khác không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020 và các quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; nhà đầu tư (trong nước và nước ngoài); các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến giải quyết thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020 và thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Phối hợp giải quyết công việc thực hiện trên nguyên tắc bảo đảm thống nhất, đồng bộ, không chồng chéo, khách quan, minh bạch, chặt chẽ, kịp thời và hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị được giao và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Khi cơ quan chủ trì lấy ý kiến thẩm định/tham gia đối với hồ sơ dự án thì xác định cụ thể một nội dung lấy ý kiến thẩm định/tham gia chỉ do một cơ quan phối hợp trả lời và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh. Các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp phải nâng cao trách nhiệm, chất lượng giải quyết công việc, tiến độ, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư; nghiêm cấm việc lợi dụng quyền hạn để nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho nhà đầu tư trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính.

2. Thủ tục hành chính đơn giản, rõ ràng, tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Thành phần hồ sơ dự án (danh mục tài liệu, số lượng hồ sơ), trình tự và thời gian giải quyết hồ sơ dự án được công bố, niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; trường hợp các văn bản Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác và thành phần hồ sơ dự án có sự thay đổi thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh là đơn vị tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, có trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự án, chuyển hồ sơ dự án đến cơ quan chuyên môn được giao chủ trì giải quyết; không được yêu cầu nhà đầu tư nộp thêm giấy tờ khác ngoài giấy tờ trong hồ sơ dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

Khuyến khích các cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan chuyên môn phối hợp và các tổ chức, cá nhân tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quá trình phối hợp nhằm rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính; khuyến khích nhà đầu tư tự nguyện nộp văn bản điện tử của hồ sơ dự án (được quét, scan và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản giấy; văn bản điện tử định dạng “.doc” hoặc “.docx” hoặc “.pdf”) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để rút ngắn thời gian chuyển hồ sơ dự án.

4. Cơ quan chủ trì giải quyết hồ sơ dự án có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến thẩm định/tham gia (kèm theo hồ sơ dự án) của các cơ quan phối hợp theo quy định của pháp luật. Trường hợp hồ sơ dự án có sử dụng đất tại các xã ven biên, dự án có ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, trật tự xã hội... thì cơ quan chủ trì giải quyết hồ sơ dự án phải gửi hồ sơ dự án lấy ý kiến tham gia của cơ quan chức năng có liên quan. Việc yêu cầu nhà đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ dự án chỉ được thực hiện một lần trong quá trình giải quyết; cơ quan chủ trì tổng hợp ý kiến thẩm định/tham gia của các cơ quan phối hợp, gửi văn bản thông báo đến nhà đầu tư để nghiên cứu tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ dự án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Đối với những nội dung chưa thống nhất hoặc vượt thẩm quyền thì cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất hướng giải quyết và kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trường hợp hồ sơ dự án đã được thẩm định/đánh giá đủ điều kiện theo quy định, Cơ quan chủ trì tổng hợp lập Báo cáo kết quả thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định. Nội dung báo cáo thẩm định của cơ quan chủ trì phải tổng hợp đầy đủ, đúng ý kiến tham gia của các cơ quan phối hợp; phải thể

hiện rõ các căn cứ pháp lý, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hay kiến nghị chưa xem xét hoặc từ chối quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nêu rõ lý do), thời gian thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

5. Cơ quan phối hợp là cơ quan nhà nước có liên quan được lấy ý kiến thẩm định/tham gia có trách nhiệm trả lời về nội dung thuộc lĩnh vực quản lý đảm bảo thời gian theo quy định tại Quy chế này; không được đùn đẩy trách nhiệm đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Nội dung ý kiến thẩm định/tham gia phải đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, lĩnh vực quản lý của cơ quan phối hợp; phải thể hiện rõ quan điểm, chính kiến về lĩnh vực quản lý; khẳng định rõ nội dung đề xuất trong hồ sơ dự án của Nhà đầu tư có phù hợp hay không phù hợp với quy định pháp luật; nêu rõ các nội dung yêu cầu nhà đầu tư cần chỉnh sửa, bổ sung, giải trình, làm rõ để được chấp thuận và những nội dung nhà đầu tư cần hoàn thiện hay cần lưu ý ở các bước trong quá trình triển khai thực hiện (bao gồm ở bước đề xuất dự án để được chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc ở bước tiếp theo sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư/cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư); trường hợp không chấp thuận với nội dung đề xuất của Nhà đầu tư phải nêu rõ lý do, căn cứ không chấp thuận.

Trong trường hợp quá thời gian quy định, cơ quan thẩm định hoặc cơ quan phối hợp được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đồng ý và người đứng đầu cơ quan phối hợp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh, trước cơ quan thanh tra, kiểm tra và các cơ quan pháp luật có liên quan về những nội dung liên quan đến hồ sơ dự án thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương mình. Cơ quan chủ trì được phép thực hiện các bước tiếp theo để giải quyết theo quy định và không phải chịu trách nhiệm về các nội dung thuộc trách nhiệm của cơ quan thẩm định, cơ quan phối hợp quá thời hạn chưa có ý kiến.

Điều 3. Cơ chế phối hợp

1. Việc phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư, thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện theo cơ chế do một cơ quan chủ trì giải quyết và một số cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện.

2. Cơ quan chủ trì giải quyết thủ tục đầu tư và thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

a) Cơ quan chủ trì giải quyết thủ tục đầu tư:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì giải quyết thủ tục đầu tư đối với dự án đầu tư ngoài các khu công nghiệp, khu kinh tế Thái Bình và dự án đầu tư thực hiện đồng thời ở cả trong và ngoài các khu công nghiệp, khu kinh tế Thái Bình.

- Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp là cơ quan chủ trì giải quyết thủ tục đầu tư đối với dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế Thái Bình.

b) Cơ quan chủ trì giải quyết thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Cơ quan phối hợp là các sở, ban, ngành, đơn vị có chức năng quản lý nhà nước theo chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi đặt địa điểm đầu tư của dự án có liên quan đến giải quyết thủ tục đầu tư; thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

4. Hình thức phối hợp

a) Tùy theo tính chất, nội dung công việc, cơ quan chủ trì giải quyết thủ tục đầu tư có thể sử dụng một trong các hình thức phối hợp như lấy ý kiến thẩm định/tham gia bằng văn bản hoặc tổ chức họp lấy ý kiến tại hội nghị.

- Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến thẩm định/tham gia (kèm theo hồ sơ dự án) của các cơ quan phối hợp theo lĩnh vực quản lý; trình tự, thời gian thực hiện đảm bảo đúng nguyên tắc phối hợp của Quy chế này.

- Hình thức lấy ý kiến tại hội nghị: Cơ quan chủ trì tổ chức hội nghị lấy ý kiến của các cơ quan phối hợp; hồ sơ dự án của nhà đầu tư phải được cơ quan chủ trì gửi tới cơ quan phối hợp trước thời điểm tổ chức hội nghị 02 ngày; tại hội nghị các cơ quan phối hợp phải có ý kiến cụ thể và cơ quan chủ trì lập biên bản làm việc theo đúng quy định, là cơ sở để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền về kết quả giải quyết.

b) Trường hợp dự án phải thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: Cơ quan phối hợp có trách nhiệm gửi văn bản ý kiến thẩm định/tham gia cho Cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ dự án, đồng thời gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, lập văn bản thẩm định theo quy định.

5. Thời gian giải quyết thủ tục đầu tư và thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

a) Thời gian giải quyết thủ tục đầu tư đối với hồ sơ dự án thuộc diện lấy ý kiến thẩm định/tham gia theo quy định tại Điều 32, Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020:

Thời gian giải quyết thủ tục đầu tư thực hiện theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy chế này; cơ quan chủ trì giải quyết thủ tục đầu tư có trách nhiệm rà soát, phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh niêm yết, công khai theo quy định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ dự án tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh sau 15 giờ trong ngày làm việc thì thời gian giải quyết hồ sơ bắt đầu tính vào ngày làm việc liên kế. Thời gian không được tính vào thời gian thực hiện thủ tục hành chính theo quy định gồm: Thời gian nhà đầu tư

chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện nội dung hồ sơ; thời gian nhà đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định, thời gian xử lý vi phạm hành chính; thời gian ngày nghỉ và nghỉ lễ theo quy định.

Việc luân chuyển hồ sơ dự án sau khi được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh phải được đóng gói vào túi đựng hồ sơ do Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh in theo mẫu (có logo và tiêu đề trên túi đựng hồ sơ); đơn vị làm dịch vụ chuyển phát nhanh phải chuyển hồ sơ dự án đến các cơ quan nhận hồ sơ đảm bảo thời gian theo quy định, yêu cầu khi bàn giao hồ sơ dự án phải ký phiếu giao nhận hồ sơ (người giao, người nhận ký xác nhận); thời gian giải quyết hồ sơ của các cơ quan phối hợp được tính từ thời điểm ký giao nhận hồ sơ dự án; cơ quan chủ trì căn cứ thời điểm giao nhận hồ sơ dự án để xác định việc gửi văn bản ý kiến thẩm định/tham gia của cơ quan phối hợp đúng hạn hay quá hạn.

b) Thời gian giải quyết thủ tục đầu tư đối với hồ sơ dự án thuộc diện báo cáo xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Thời gian giải quyết và trả kết quả cho nhà đầu tư theo quy định tại Quy chế này nhưng không quá 35 ngày theo quy định tại khoản 1, Điều 36 Luật Đầu tư năm 2020; trường hợp cần thiết thực hiện theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Thời gian giải quyết đối với thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; khi nhà đầu tư nộp hồ sơ xin giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp và hoàn thiện văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (nếu có) để trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

d) Trong quá trình giải quyết thủ tục đầu tư đối với hồ sơ dự án của nhà đầu tư, trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định phải lấy ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương thì cơ quan phối hợp căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý chủ động xin ý kiến của Bộ, ngành Trung ương theo quy định và gửi văn bản ý kiến thẩm định/tham gia về Cơ quan chủ trì để tổng hợp, thẩm định; thời gian đảm bảo theo quy định tại Quy chế này.

Chương II

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, NỘI DUNG, THỜI GIAN, TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT THỦ TỤC ĐẦU TƯ; THỦ TỤC THẨM ĐỊNH NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT; THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 4. Hồ sơ, trình tự, nội dung thẩm định/tham gia ý kiến, thời gian giải quyết thủ tục đầu tư (chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư; cấp mới, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư); thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

1. Hồ sơ, trình tự, nội dung thẩm định, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại Điều 32, Điều 33, Điều 36, Điều 41 Luật Đầu tư năm 2020; quy định chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quy chế này.

2. Hồ sơ, trình tự, nội dung tham gia ý kiến, thời gian giải quyết thủ tục cấp mới, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 Luật Đầu tư năm 2020; quy định chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quy chế này.

3. Hồ sơ, trình tự, thời gian giải quyết thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật Đất đai, Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 và Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; quy định chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quy chế này.

4. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì giải quyết các thủ tục nêu trên: Thường xuyên rà soát, cập nhật các văn bản pháp luật mới (nếu có) để hướng dẫn nhà đầu tư bổ sung các tài liệu cần thiết vào hồ sơ dự án đảm bảo theo quy định hiện hành; phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để hướng dẫn nhà đầu tư và giải quyết hồ sơ dự án tiếp nhận đảm bảo thời gian quy định tại Quy chế này.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc giải quyết thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư; thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

1. Cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ dự án:

a) Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự án, tư cách pháp nhân của nhà đầu tư, việc đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có). Gửi hồ sơ dự án lấy ý kiến thẩm định/tham gia của cơ quan phối hợp bảo đảm đúng thành phần, nội dung và thời gian theo quy định.

b) Thẩm định các nội dung hồ sơ dự án theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

c) Tổng hợp ý kiến thẩm định/tham gia của cơ quan phối hợp về các nội dung liên quan để lập báo cáo thẩm định dự án, trình cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật và quy định tại khoản 4, Điều 2 và điểm a, điểm b, khoản 5, Điều 3 của Quy chế này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; đánh giá cơ sở pháp lý của quyền sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư 2020; thực hiện quy định tại điểm c, khoản 5, Điều 3 của Quy chế này.

b) Đánh giá căn cứ pháp lý, điều kiện áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; căn cứ pháp lý, điều kiện chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai.

c) Đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường theo lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

d) Cho ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

3. Sở Xây dựng:

a) Đánh giá sự phù hợp của vị trí, địa điểm thực hiện dự án với các đồ án quy hoạch xây dựng được phê duyệt và các nội dung liên quan theo quy chuẩn về quy hoạch xây dựng hiện hành; mật độ xây dựng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định của nhà nước và của tỉnh; cho ý kiến về sự phù hợp của các khoản mục chi phí đầu tư xây dựng do nhà đầu tư xác định trong hồ sơ dự án.

b) Thẩm định các nội dung của dự án đầu tư phát triển nhà ở theo quy định tại điểm e, khoản 3, Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

4. Sở Công Thương:

a) Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với các quy hoạch ngành, lĩnh vực đối với dự án đầu tư sản xuất công nghiệp, thương mại dịch vụ; đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế xã hội của dự án đầu tư, đánh giá việc đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

b) Cho ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; đánh giá khả năng đáp ứng các điều kiện đối với nhà đầu tư và dự án đề xuất với các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn của ngành, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

b) Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế xã hội của dự án đầu tư thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

6. Sở Tài chính: Đánh giá về năng lực tài chính của nhà đầu tư đảm bảo thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ đăng ký.

7. Sở Giao thông vận tải: Đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch thuộc lĩnh vực giao thông vận tải, các quy định liên quan đến đầu tư xây dựng cảng, cảng cạn, bến thủy nội địa; đầu nối các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ, biện pháp đảm bảo an toàn giao thông và các nội dung khác có liên quan đến lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

8. Sở Khoa học và Công nghệ: Thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao; cho ý kiến về công nghệ đối với dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

9. Cục Thuế tỉnh: Xác định ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư liên quan đến lĩnh vực thuế của dự án (nếu có). Đánh giá tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của nhà đầu tư và các bên có liên quan, các nội dung có liên quan đến lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

10. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nơi đặt địa điểm đầu tư của dự án:

a) Chủ trì và chịu trách nhiệm đối với các nội dung:

- Đánh giá sự phù hợp về vị trí, địa điểm của dự án với quy hoạch của địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt (*quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung thành phố Thái Bình, quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu và các quy hoạch khác có liên quan*).

- Xác định về nguồn gốc đất và hiện trạng sử dụng đất.

- Đánh giá tác động, hiệu quả của dự án; tính khả thi trong công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

- Đánh giá các nội dung khác có liên quan đến lĩnh vực thuộc địa phương quản lý.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch sử dụng đất, xác định dự án thuộc danh mục dự án cần thu hồi đất đã được phê duyệt nhưng không đủ điều kiện để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất; khả năng đáp ứng về quỹ đất để thực hiện dự án tại địa phương, xác định diện tích đất sử dụng để đảm bảo hiệu quả sử dụng đất; đánh giá cơ sở pháp lý của quyền sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư 2020.

11. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt/không phê duyệt quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo đề nghị của Cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ dự án.

12. Các sở, ngành, đơn vị khác có liên quan: Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với cơ quan chủ trì trong việc thẩm định/tham gia ý kiến về sự phù hợp với

các quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn, điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành; cho ý kiến đánh giá về nội dung hồ sơ dự án đầu tư có liên quan đến lĩnh vực an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội (nếu có).

Điều 6. Nội dung thẩm định/tham gia ý kiến và trách nhiệm phối hợp trong giải quyết thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

1. Nội dung thẩm định/tham gia ý kiến đối với hồ sơ đề nghị chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án:

Thẩm định/tham gia ý kiến đối với các nội dung đề nghị chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại Điều 41 Luật Đầu tư năm 2020; thời gian thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

2. Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan trong việc giải quyết thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

a) Cơ quan chủ trì có trách nhiệm:

- Chỉ gửi hồ sơ dự án lấy ý kiến thẩm định/tham gia của cơ quan phối hợp có liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

- Thẩm định/tham gia ý kiến đối với các nội dung đề nghị chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

- Tổng hợp ý kiến thẩm định/tham gia của cơ quan phối hợp về các nội dung liên quan để lập báo cáo thẩm định dự án, trình cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật và quy định tại khoản 4, Điều 2 và điểm a, điểm b, khoản 5, Điều 3 của Quy chế này.

b) Cơ quan phối hợp có trách nhiệm: Gửi văn bản ý kiến thẩm định/tham gia đánh giá các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này tương ứng với trách nhiệm của đơn vị quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 7. Trách nhiệm phối hợp giải quyết thủ tục cấp mới, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

1. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì (*cơ quan đăng ký đầu tư*).

a) Đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư quy định tại các Điều 30, Điều 31, Điều 32 và Điều 41 Luật Đầu tư.

- Trường hợp dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Đầu tư: Cơ quan chủ trì thực hiện cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn quy định tại phụ lục của Quy chế này kể từ ngày nhận được Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư mà không phải lấy ý kiến của Cơ quan phối hợp.

- Trường hợp dự án không thuộc diện cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Đầu tư: Cơ quan chủ trì thực hiện cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn quy định tại Quy chế này kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của nhà đầu tư mà không phải lấy ý kiến tham gia của Cơ quan phối hợp.



b) Đối với dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại các Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Đầu tư.

Cơ quan chủ trì thực hiện cấp mới, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn quy định tại Quy chế này kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp cần thiết, Cơ quan chủ trì lấy ý kiến tham gia của Cơ quan phối hợp có liên quan trước khi cấp mới, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng phải đảm bảo thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

2. Trách nhiệm của cơ quan phối hợp.

Cơ quan phối hợp có trách nhiệm tham gia ý kiến về nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và phải đảm bảo đúng nội dung, thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo đề nghị của Cơ quan chủ trì và quy định tại khoản 5, Điều 2 của Quy chế này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan nhà nước liên quan trong việc tháo gỡ khó khăn để đẩy nhanh tiến độ tổ chức thực hiện các dự án đầu tư sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Các sở, ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý chuyên ngành, căn cứ quy định của pháp luật để hướng dẫn, đôn đốc nhà đầu tư thực hiện các thủ tục tiếp theo để triển khai dự án như: Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án; thủ tục giao đất, cho thuê đất; thủ tục môi trường; thủ tục cấp giấy phép xây dựng; phòng cháy chữa cháy và các thủ tục có liên quan để nhà đầu tư sớm triển khai dự án đảm bảo tiến độ đăng ký đầu tư của dự án. Thường xuyên rà soát nắm bắt thông tin, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc phát sinh liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành đối với các dự án đầu tư trên địa bàn; kịp thời phản ánh, tham mưu đề xuất phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm phối hợp theo dõi, kiểm tra, giám sát của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong công tác quản lý hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị phải chủ động tăng cường theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện dự án của nhà đầu tư sau khi được chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương

đầu tư, cấp mới, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Kịp thời phát hiện, xử lý theo thẩm quyền hoặc thông tin, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm đối với nhà đầu tư và đơn vị có liên quan theo quy định của pháp luật; kiên quyết ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án, thu hồi đất theo quy định đối với các trường hợp nhà đầu tư không thực hiện đúng các nội dung đăng ký đầu tư với cơ quan nhà nước, không sử dụng đất theo đúng mục đích được nhà nước cho thuê hoặc sử dụng đất chậm tiến độ thuộc trường hợp phải xử lý vi phạm theo quy định pháp luật về đất đai.

3. Trung tâm Hỗ trợ, Xúc tiến đầu tư và Phát triển tỉnh và các đơn vị tư vấn về thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng,... chủ động phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan khai thác thông tin quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch chuyên ngành, các thông tin khác liên quan đến ranh giới, diện tích, hiện trạng khu đất nghiên cứu đề xuất dự án; thường xuyên cập nhật, nắm vững các quy định của pháp luật và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế,... để tư vấn nhà đầu tư lập hồ sơ dự án đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong quá trình tư vấn thủ tục đầu tư và các thủ tục có liên quan đến hồ sơ dự án, khi tiếp nhận được thông tin của nhà đầu tư phản ánh khó khăn, vướng mắc (nếu có) thì Trung tâm Hỗ trợ, Xúc tiến đầu tư và Phát triển tỉnh kịp thời tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định.

Điều 9. Khen thưởng, xử lý vi phạm.

1. Các cá nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc trong thực hiện Quy chế này hoặc có sáng kiến trong tổ chức thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả trong điều hành, quản lý nhà nước được khen thưởng theo quy định.

2. Các cơ quan nhà nước để xảy ra tình trạng cán bộ, công chức, viên chức có hành vi sách nhiễu, cố tình gây khó khăn cho nhà đầu tư hoặc không thực hiện tốt nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan, vi phạm các quy định tại Quy chế này thì Thủ trưởng cơ quan phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Các cá nhân, đơn vị vi phạm, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quy định chuyển tiếp các hồ sơ dự án đã được tiếp nhận và đang trong thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành thực hiện như sau:

a) Trường hợp cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản thẩm định hoặc văn bản tham gia ý kiến trước ngày Quy chế này có hiệu lực thì không phải gửi lại văn bản thẩm định hoặc văn bản tham gia theo quy định tại Quy chế này.

b) Trường hợp cơ quan nhà nước gửi văn bản thẩm định hoặc văn bản tham gia ý kiến sau ngày Quy chế này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Quy chế này.



2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai, theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Quy chế này; kiến nghị hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc khen thưởng, xử lý vi phạm đối với cá nhân, tổ chức theo Điều 9 của Quy chế này. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, cả năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư); thời gian gửi báo cáo quý trước ngày 05 của tháng đầu tiên sau quý báo cáo; báo cáo năm trước ngày 30 của tháng đầu năm sau báo cáo.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị liên quan trong thực hiện Quy chế này; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ hàng quý, 6 tháng, cả năm; thời gian gửi báo cáo trước ngày 15 của tháng đầu quý sau quý báo cáo; báo cáo năm trước ngày 20 tháng 2 của năm sau năm báo cáo.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.



PHỤ LỤC I

Thời gian giải quyết thủ tục đầu tư; thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các dự án có vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình

STT	Nội dung	Thời gian theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020	Thời gian theo quy định của tỉnh Thái Bình
1	Chấp thuận chủ trương đầu tư/chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư	35 ngày làm việc	18 ngày làm việc
2	Cấp mới, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
3	Cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc
4	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc



PHỤ LỤC II

Hồ sơ, trình tự, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án; thủ tục cấp mới, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với dự án có vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Nơi công bố thủ tục hành chính và tiếp nhận hồ sơ
1	Hồ sơ, trình tự, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư/chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Bình
	Hồ sơ, trình tự, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư/chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp	
2	Hồ sơ, trình tự, thời gian giải quyết thủ tục cấp mới, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Bình



STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Nơi công bố thủ tục hành chính và tiếp nhận hồ sơ
	Hồ sơ, trình tự, thời gian giải quyết thủ tục cấp mới, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp	
3	Hồ sơ, trình tự, thời gian giải quyết thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với dự án có vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2915/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Bình

Ghi chú: Trong quá trình tìm hiểu đầu tư và giải quyết thủ tục đầu tư và các thủ tục có liên quan, đề nghị Nhà đầu tư, các tổ chức, cá nhân và đơn vị truy nhập vào [trang https://dichvucong.thaibinh.gov.vn/dichvucong/bohutuc](https://dichvucong.thaibinh.gov.vn/dichvucong/bohutuc) để truy cập danh mục hồ sơ, trình tự thủ tục được công bố, niêm yết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1932 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 09 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu; lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam; lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Số 357/QĐ-BKHĐT ngày 02/4/2021 công bố thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 32/TTr-SKHĐT ngày 30/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

- Danh mục 04 (bốn) thủ tục hành chính (TTHC) ban hành mới, 01 (một) TTHC sửa đổi, 03 (ba) TTHC bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Bình (*Phụ lục I*);

- Danh mục 22 (hai mươi hai) TTHC ban hành mới, 27 (hai mươi bảy) TTHC bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Bình (*Phụ lục II*);

- Danh mục 07 (bảy) TTHC mới ban hành, 44 (bốn mươi tư) TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế, 20 (hai mươi) TTHC bãi bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Bình (*Phụ lục III*).

Nội dung chi tiết các thủ tục hành chính thực hiện theo các Quyết định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Số 357/QĐ-BKHĐT ngày 02/4/2021; số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021; số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình chi tiết, quy trình điện tử các thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này, thời hạn chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ Văn phòng UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh (file điện tử);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Số: 2077 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 25 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 102/QĐ-BTC ngày 14/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình tại Tờ trình số 44/TTr-BQLKKT ngày 19/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 26 (hai mươi sáu) thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh (có Phụ lục Danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình chi tiết, quy trình điện tử các thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này, thời hạn chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành; phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức, thực hiện.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình: Số 932/QĐ-UBND ngày 13/4/2018, số 1528/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 và số 934/QĐ-UBND ngày 31/3/2020.


Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ktb*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh (file điện tử);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.

ktb

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Văn Hoàn

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa
trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh,
cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 581/TTr-STNMT ngày 18/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 45 (bốn mươi lăm) thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực đất đai, gồm:

- 32 (ba mươi hai) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh;
- 12 (mười hai) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện;
- 01 (một) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã.

(Có Phụ lục Danh mục kèm theo).

Nội dung chi tiết các thủ tục hành chính này thực hiện theo các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017; số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình chi tiết, quy trình điện tử các thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này, thời hạn chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 2222/QĐ-UBND ngày 28/9/2015, số 1750/QĐ-UBND ngày 25/6/2019, số 2620/QĐ-UBND ngày 07/9/2020.

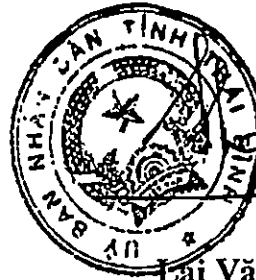
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Yên*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, VP Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.

BT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Văn Hoàn